TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Phạm Mạnh Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy A; ĐKHKTT: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 818 Monarch Parksuites, Tambo, Panaraque, Metro Manila, Philippines; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B; nơi cư trú: Số C/D HS, phường HK, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy A trình bày:

Chị Trần Thị Thùy A và anh Nguyễn Xuân B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại gia đình chồng được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế do anh B mải chơi cờ bạc, chị A phải trả nợ nhiều lần cho anh B dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả, anh B vẫn không thay đổi, vẫn chơi cờ bạc và nợ nần rất nhiều. Giữa năm 2019, chị A sang Philippines sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên vợ chồng ngày càng xa cách, tình cảm dần nhạt phai. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm với anh B nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 hiện đang ở cùng với anh B. Do điều kiện công việc làm ăn xa, chị không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Hiện cháu K đang được anh B chăm sóc và nuôi dưỡng, việc học tập và sinh hoạt của cháu đang ổn định. Do vậy, khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Xuân B:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án; gia đình anh B từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được niêm yết theo quy định pháp luật. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Xuân B hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số C/D HS, phường HK, quận LC, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Xuân B sinh sống tại địa chỉ trên cùng bố mẹ đẻ của anh B, thỉnh thoảng đi làm xa rồi lại về nhà. Tòa án đã đến nhà anh B để làm việc nhưng anh B không có nhà, bố mẹ đẻ của anh B không đồng ý làm việc với Tòa án. Gia đình anh B biết việc chị A có đơn xin ly hôn với anh B tại Tòa án và đề nghị chị A phải có mặt ở Việt Nam để giải quyết ly hôn. Tổ trưởng tổ dân phố nơi anh B sinh sống trình bày: Sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống một thời gian ngắn tại nhà bố mẹ đẻ anh B. Sau đó, chị A sang nước ngoài sinh sống khoảng 6, 7 năm nay. Chị A và anh B đã không còn chung sống nhiều năm. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 hiện đang ở cùng với anh B và ông bà nội.

Nay chị A yêu cầu xin ly hôn với anh B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Mẹ đẻ của chị Trần Thị Thùy A là bà Phạm Thị Hường trình bày như sau: Sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống một thời gian ngắn tại nhà bố mẹ đẻ anh B được khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B mải chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị A đã trả nợ cho anh B nhiều lần. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không đạt kết quả. Chị A đã phải bỏ về nhà bà Hường ở, không chung sống cùng anh B. Đến năm 2019, chị A sang Philippines sinh sống và làm việc, chị A và anh B sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị A không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị A và anh B có một con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 hiện đang ở cùng với anh B và ông bà nội. Do chị A đang ở nước ngoài nên đề nghị giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân B và chị Trần Thị Thùy A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, nay chị A đã không còn tình cảm với anh B, anh chị đã ly thân một thời gian dài. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy A được ly hôn anh Nguyễn Xuân B. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 cho anh Nguyễn Xuân B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thùy A về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thùy A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy A hiện nay đang sinh sống ở Philippines, bị đơn là anh Nguyễn Xuân B hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy A vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Xuân B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thùy A và anh Nguyễn Xuân B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân B và chị Trần Thị Thùy A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/02/2012. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị Trần Thị Thùy A, mẹ đẻ của chị A là bà Phạm Thị Hường và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Nguyễn Xuân B sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, chị A bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Năm 2019, chị A sang Philippines sinh sống và làm việc, không còn chung sống với anh B nhiều năm nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, cho thấy đời sống hôn nhân không tồn tại. Mặc dù anh B không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị A xin ly hôn nhưng xét thấy sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh B không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án, gia đình anh B từ chối nhận thay anh B các văn bản tố tụng của Tòa án và từ chối làm việc với Tòa án. Điều đó cho thấy anh B không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ và không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, bỏ mặc hôn nhân của chính mình. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị A dành cho anh B không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, cuộc sống chung không tồn tại nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thùy A đối với anh Nguyễn Xuân B.

[4] Về con chung: Ly hôn, chị Trần Thị Thùy A yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Dù anh B không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung, tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu K đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng anh B và ông bà nội, có tình hình học tập và sức khỏe tốt. Mặt khác, chị A đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không đủ điều kiện để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu K. Cháu K có đơn trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với anh B nếu anh B và chị A ly hôn. Do vậy, việc chị A yêu cầu giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt và nguyện vọng của cháu K, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A và anh B phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ theo Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không có quan điểm trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng xét việc chị A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị A về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thùy A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy A là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thùy A và anh Nguyễn Xuân B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy A được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 cho anh Nguyễn Xuân B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thùy A về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 07/01/2012 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng với số tiền là 3.000.000 *(ba triệu)* đồng mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Trần Bảo K đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Xuân B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Trần Thị Thùy A chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thùy A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thùy A phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, cộng bằng 600.000 *(sáu trăm nghìn)* đồng. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006628 ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Thùy A còn phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Thùy A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Xuân B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Hùng **Đỗ Thị Thanh Tú** **Đặng Hồ Điệp**